

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2025.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên
Bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Trong những ngày từ 16 đến 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án
nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình
thụ lý số 565/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
568/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên
tòa số 393/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thanh T**, sinh năm 1990,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư S B, phường P, thành phố C, tỉnh
Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

Người được chị T ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị **Đặng Thị Ngọc T1**,
sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phương Văn D**, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Khu dân cư S B, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị T và anh D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phương Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/02/2011. Sau khi kết hôn chị và anh D chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh D tại khu dân cư S B, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2017 để phát triển kinh tế gia đình chị đã sang Nhật Bản lao động, hàng tháng chị vẫn gửi tiền về để cho anh D nuôi con và xây nhà nhưng anh D và bố mẹ đẻ anh D cho rằng chị còn gửi tiền về cho bố mẹ đẻ chị vì vậy nhiều lần anh D chửi bới xúc phạm chị. Vì vậy từ khoảng tháng 8/2019 mâu thuẫn giữa chị và anh D trở nên trầm trọng, mỗi lần chị gọi điện về, anh D thường có những lời nói chửi bới, xúc phạm chị và bố mẹ đẻ. Anh D cũng thường xuyên nhắn tin chửi bới, dọa dẫm và đòi ly hôn với chị. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị và anh D ít quan tâm và ít nói chuyện với nhau, tuy nhiên hàng tháng chị vẫn gửi tiền về để cho anh D chi tiêu sinh hoạt và nuôi con. Đến ngày 18/7/2024 chị về nước nghỉ phép và vẫn về chung sống cùng nhà với anh D. Trong thời gian chị về nước, anh D thường xuyên chửi bới và đánh đập chị vì vậy chị nhận thấy anh D chung sống cùng chị không hề có tình cảm vợ chồng, anh D không tôn trọng chị và gia đình chị. Thời gian chị nghỉ phép về nước vợ chồng ngủ riêng, anh D thường xuyên không ăn cơm nhà mà hay ăn uống ở nhà bạn bè bỏ mặc chị. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh D không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Phương Thị Kim H, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Phương Ngọc D1, sinh ngày 06/9/2015. Hiện cháu H và cháu D2 đang ở với anh D. Do con chung đang ở với anh D ổn định nên khi ly hôn chị để anh D được nuôi con chung, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D3 mỗi con chung là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng trên 01 con chung. Cả 02 con chung là 5.000.000 (Năm triệu đồng) trên một tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh Phương Văn D cho biết anh và chị Dương Thanh T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/02/2011. Sau khi kết hôn chị T chuyển về sinh sống cùng

gia đình anh tại khu dân cư S B, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Năm 2017, chị T đi lao động tại Nhật Bản. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, chỉ thi thoảng cãi cọ vì chuyện nhỏ. Chị T trình bày anh thường xuyên có những lời nói xúc phạm chị T và gia đình thì đây hoàn toàn là không đúng sự thật mà vợ chồng chỉ xích mích nhỏ, chị T trình bày như nào là do một phía của chị T. Quan điểm của anh là không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Nếu như chị T vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Phương Thị Kim H, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Phương Ngọc D1, sinh ngày 06/9/2015. Hiện cháu H và cháu D2 đang ở với anh. Nếu như Tòa án không hòa giải được thì anh nuôi cả hai cháu vì hai cháu vẫn đang học tập và sinh sống ổn định cùng tôi. Còn về cấp dưỡng anh không yêu cầu cụ thể mà để xem xét sau.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của con chung: Cháu Phương Thị Kim H, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Phương Ngọc D1, sinh ngày 06/9/2015 trình bày: Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với bố và ông bà nội. Cháu đã được Tòa án cho biết đang giải quyết ly hôn giữa bố mẹ cháu là bố D và mẹ T. Nếu như bố mẹ cháu ly hôn không ở được với nhau nữa thì chúng cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố, còn mẹ cháu đi nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm cháu. Các cháu đều không muốn bố mẹ ly hôn vì muốn gia đình có cả bố và mẹ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Dương Thanh T ly hôn anh Phương Văn D; Giao cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phương Thị Kim H, sinh ngày 18/4/2012 và Phương Ngọc D1, sinh ngày 06/9/2015. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của

chị T, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D là 5.000.000 đồng/tháng (2.500.000 đồng/con). Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Dương Thanh T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Phương Văn D. Anh D hiện nay đang sinh sống và lao động tại phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Chị T vắng mặt tại phiên toà và đề nghị xử vắng mặt; anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thanh T và anh Phương Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/02/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh D tại khu dân cư S B, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2017 để phát triển kinh tế gia đình chị T đã sang Nhật Bản lao động, từ đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh D nghi ngờ chị T gửi tiền về cho bố mẹ đẻ. Từ khoảng tháng 8/2019, mâu thuẫn giữa chị T và anh D trở nên trầm trọng. Đến ngày 18/7/2024 chị T về nước nghỉ phép và vẫn về chung sống cùng nhà với anh D. Trong thời gian chị T về nước, vợ chồng tiếp tục xảy ra xô xát. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh D theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là cháu Phương Thị Kim H, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Phương Ngọc D1, sinh ngày

06/9/2015. Hiện cháu H và cháu D1 đang ở với anh D. Do con chung đang ở với anh D ổn định, có nguyện vọng được ở với anh D, nên giao 2 con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị T, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D là 5.000.000 đồng/tháng/2 con (2.500.000 đồng/tháng/con).

Chị Dương Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thanh T được ly hôn anh Phương Văn D.

2. Về con chung: Giao cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phương Thị Kim H, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Phương Ngọc D1, sinh ngày 06/9/2015 từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị anh D là 5.000.000 đồng/tháng/2 con (2.500.000 đồng/tháng/con).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều

468 của Bộ luật Dân sự.

Chị Dương Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0005277 ngày 09/7/2024. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Phả Lại, thành phố Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường